UBND XÃ AN PHÚ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Chi trả trợ cấp hưu trí xã hội tháng 11/2026 bằng chuyển khoản

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Truy lĩnh tháng 10/2026	Số tiền	Tổng nhận
I	**Người từ đủ 70 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, cận nghèo**			**0**	**8.880.000**	**8.880.000**
1	Nguyễn Thị Suốt	12/06/1956	An Điền Kim		740.000	740.000
2	Lê Thị Thơm	05/02/1956	Đa Đinh		740.000	740.000
3	Nguyễn Hữu Tơ	30/05/1955	An Điền Kim		740.000	740.000
4	Nguyễn Thị Hợi	23/04/1954	Đa Đinh		740.000	740.000
5	Nguyễn Thị Tâm	03/02/1956	Đa Đinh		740.000	740.000
6	Vũ Thị Bình	23/04/1954	Đa Đinh		740.000	740.000
7	Phạm Văn Lạng	08/07/1954	Phong Kim		740.000	740.000
8	Nguyễn Thị Sối	12/10/1955	An Điền Giáp		740.000	740.000
9	Nguyễn Thị Đáo	03/02/1954	An Điền Giáp		740.000	740.000
10	Nguyễn Thị Thả	01/07/1954	Đa Đinh		740.000	740.000
11	Nguyễn Thị Thủy	01/01/1952	An Điền Giáp		740.000	740.000
12	Nguyễn Thị Phiếm	19/03/1953	Đa Đinh		740.000	740.000
II	**Người từ đủ 75 tuổi trở lên**			**7.400.000**	**756.280.000**	**763.680.000**
13	Nguyễn Thị Hoa	20/10/1951	Chi Đoan	740.000	740.000	1.480.000
14	Nguyễn Thị Hiền	20/10/1951	Lang Khê, An Lâm	740.000	740.000	1.480.000
15	Vũ Thị Ga	18/10/1951	An Lương	740.000	740.000	1.480.000
16	Phạm Văn Chất	02/10/1951	Cầm Lý, An Lâm	740.000	740.000	1.480.000
17	Phạm Thị Nhỡ	10/10/1951	An Đông	740.000	740.000	1.480.000
18	Nguyễn Thị Hồng	01/10/1951	An Đoài	740.000	740.000	1.480.000
19	Bùi Văn Mạo	10/10/1951	Kim Bảng, Nam Điền	740.000	740.000	1.480.000
20	Cao Xuân Hải	10/10/1951	Lâm Xá, Bắc Phú	740.000	740.000	1.480.000
21	Nguyễn Văn Khoa	02/10/1951	Lâm Xá, Bắc Phú	740.000	740.000	1.480.000
22	Trần Thị Dung	20/10/1951	Lâm Xá, Bắc Phú	740.000	740.000	1.480.000
23	Tống Thị Toàn	10/04/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
24	Đỗ Thị Hải	09/09/1951	An Lâm		740.000	740.000
25	Nguyễn Thị Điều	01/09/1951	Nam Điền		740.000	740.000
26	Lê Thị Thơi	09/09/1951	Đa Xá		740.000	740.000
27	Bùi Thị Xuân	10/09/1951	An Đoài		740.000	740.000
28	Nguyễn Đình Mầu	06/08/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
29	Nguyễn Thị Tâm	02/08/1951	Bắc Phú		740.000	740.000
30	Nguyễn Thị Thảo	05/08/1951	Đa Xá		740.000	740.000
31	Phạm Bá Thảo	05/08/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
32	Phạm Huy Tình	21/08/1951	Chi Đoan		740.000	740.000
33	Phạm Trắc Thời	06/08/1951	An Đông		740.000	740.000
34	Lưu Thị Loan	02/08/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
35	Trần Thị Tâm	17/02/1946	An Điền Kim		740.000	740.000
36	Nguyễn Thị Vương	04/05/1951	Đông Nghĩa		740.000	740.000
37	Nguyễn Danh Mông	01/07/1951	An Đoài		740.000	740.000
38	Hoàng Đức Đông	15/07/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
39	Trần Thị Khen	20/07/1951	An Điền Kim		740.000	740.000
40	Bùi Thị Hải	10/10/1949	An Điền Giáp		740.000	740.000
41	Đoàn Thị Mỹ	05/06/1951	Chi Đoan		740.000	740.000
42	Lại Thị Huê	02/03/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
43	Nguyễn Thị Mận	01/06/1934	Đào Xá		740.000	740.000
44	Nguyễn Thị Nghiên	02/06/1951	Cầm Lý		740.000	740.000
45	Nguyễn Thị Sính	21/02/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
46	Phạm Thị Tam	04/06/1951	Đào Xá		740.000	740.000
47	Trần Thị Liên	15/06/1951	Lâm Xá		740.000	740.000
48	Trần Thị Mận	15/06/1951	Lâm Xuyên		740.000	740.000
49	Vương Đình Tăng	02/06/1951	Lang Khê		740.000	740.000
50	Nguyễn Thị An	16/05/1951	Lâm Xuyên		740.000	740.000
51	Nguyễn Văn Phòng	12/04/1951	Lâm Xuyên		740.000	740.000

52	Nguyễn Đình Bể	30/12/1937	An Điền Xuân		740.000	740.000
53	Bùi Thị Hằng	02/09/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
54	Đặng Đức Lân	01/08/1942	Chi Đoan		740.000	740.000
55	Đồng Thị Ngọc	01/01/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
56	Lê Thị Việt	20/05/1951	An Đoài		740.000	740.000
57	Lương Viết Chính	01/01/1934	An Đông		740.000	740.000
58	Lưu Thị La	05/08/1943	An Đông		740.000	740.000
59	Nguyễn Thanh Chuân	12/12/1946	An Lương		740.000	740.000
60	Nguyễn Hữu Khoàng	25/05/1939	An Điền Kim		740.000	740.000
61	Nguyễn Ngọc Cơ	14/04/1940	An Điền Giáp		740.000	740.000
62	Nguyễn Thị Đậy	19/08/1947	An Lương		740.000	740.000
63	Nguyễn Thị Hợi	01/02/1946	An Đông		740.000	740.000
64	Nguyễn Thị Nga	20/05/1947	An Lương		740.000	740.000
65	Nguyễn Thị Phụ	04/04/1950	An Đoài		740.000	740.000
66	Nguyễn Thị Quy	02/04/1951	An Đông		740.000	740.000
67	Nguyễn Văn Lê	20/08/1933	Cổ Pháp		740.000	740.000
68	Phạm Thị Khánh	01/07/1936	Đông Nghĩa		740.000	740.000
69	Phạm Văn Bàn	06/02/1940	Lang Khê		740.000	740.000
70	Trương Thị Liên	01/10/1939	An Đông		740.000	740.000
71	Vũ Đình Ngoa	05/01/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
72	Nguyễn Trung Đàm	09/07/1935	An Điền Xuân		740.000	740.000
73	Bùi Thị Đào	28/05/1951	Chi Đoan		740.000	740.000
74	Lương Thị Lan	20/10/1947	An Đông		740.000	740.000
75	Nguyễn Thị Mây	02/11/1938	Hoàng Dương		740.000	740.000
76	Nguyễn Thị The	19/05/1937	Phong Kim		740.000	740.000
77	Đào Thị Đoan	01/05/1951	Lâm Xuyên		740.000	740.000
78	Hoàng Thị Quệt	01/05/1951	Đa Đinh		740.000	740.000
79	Nguyễn Đình Dung	05/05/1951	Cổ Pháp		740.000	740.000
80	Nguyễn Thị Thảo	10/05/1951	Phú Văn		740.000	740.000
81	Nguyễn Thị Bình	01/01/1951	Cẩm Lý		740.000	740.000
82	Nguyễn Văn Hoàn	01/05/1951	Cẩm Lý		740.000	740.000
83	Hoàng Thị Mây	26/03/1951	Lâm Xá		740.000	740.000
84	Nguyễn Thị Thục	09/02/1951	An Điền Giáp		740.000	740.000
85	Đỗ Thị Tớp	11/02/1951	Phú Văn		740.000	740.000
86	Lê Thị Hài	07/04/1951	An Đông		740.000	740.000
87	Nguyễn Thị Mái	02/04/1951	An Điền Kim		740.000	740.000
88	Nguyễn Thị Thư	08/04/1951	An Điền Giáp		740.000	740.000
89	Nguyễn Trung Kiên	04/06/1951	Phú Văn		740.000	740.000
90	Vũ Văn Báo	01/04/1951	Phú Văn		740.000	740.000
91	Đoàn Thị Bống	05/05/1949	An Đông		740.000	740.000
92	Lê Duy Quắc	20/02/1951	Đa Đinh		740.000	740.000
93	Nguyễn Duy Nhất	12/12/1949	Kim Bảng		740.000	740.000
94	Nguyễn Thị Lợi	06/05/1948	Hoàng Dương		740.000	740.000
95	Nguyễn Thị Nhấy	01/01/1942	Cổ Pháp		740.000	740.000
96	Nguyễn Thị Tâm	01/01/1949	An Điền Kim		740.000	740.000
97	Phạm Thị Lãng	01/01/1951	Chi Đoan		740.000	740.000
98	Tạ Thị Ngoánh	01/01/1951	Chi Đoan		740.000	740.000
99	Trương Thị Toán	28/03/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
100	Phạm Thị Thuấn	29/12/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
101	Nguyễn Đức Chí	10/01/1951	An Điền Giáp		740.000	740.000
102	Trần Quang Thạo	25/01/1951	Đa Đinh		740.000	740.000
103	Hoàng Thị Huê	17/12/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
104	Nguyễn Thị Đáng	11/12/1950	An Lương		740.000	740.000
105	Trần Văn Sáng	13/12/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
106	Nguyễn Văn Ước	11/12/1950	An Đông		740.000	740.000
107	Hoàng Trọng Hưng	20/12/1950	Lâm Xuyên		740.000	740.000
108	Lê Bá Tưởng	01/12/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
109	Nguyễn Thị Soan	03/12/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
110	Nguyễn Văn Tỉnh	27/12/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
111	Nguyễn Thị Tư	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
112	Lương Thị Thiềm	01/01/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
113	Lưu Thị Nguyên	01/01/1951	An Đông		740.000	740.000
114	Lưu Thị Thoan	25/08/1945	An Đông		740.000	740.000
115	Nguyễn Đức Vững	09/01/1951	An Điền Kim		740.000	740.000
116	Nguyễn Quang Liễu	01/01/1951	An Đông		740.000	740.000

117	Nguyễn Thị Huyền	01/01/1951	An Đông		740.000	740.000
118	Nguyễn Thị Nga	01/01/1951	An Điền Kim		740.000	740.000
119	Nguyễn Thị Tấn	01/01/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
120	Nguyễn Văn Thắng	01/01/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
121	Vũ Thị Dần	10/02/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
122	Vũ Thị Tọa	22/03/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
123	Nguyễn Thị Mận	01/01/1951	Kim Bảng		740.000	740.000
124	Đặng Văn Tính	01/01/1951	An Đoài		740.000	740.000
125	Nguyễn Thị Toan	01/01/1951	An Điền Xuân		740.000	740.000
126	Đỗ Thị Sinh	01/01/1951	An Đông		740.000	740.000
127	Nguyễn Thị Lấm	01/01/1951	An Điền Giáp		740.000	740.000
128	Đinh Thị Toán	23/07/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
129	Nguyễn Thị Bé	01/01/1951	An Điền Kim		740.000	740.000
130	Đỗ Thế Chuật	20/01/1951	An Đoài		740.000	740.000
131	Phạm Thị Đông	05/10/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
132	Phạm Đình Hùng	01/01/1946	An Lương		740.000	740.000
133	Vũ Thị Bé	21/03/1950	An Lương		740.000	740.000
134	Trần Như Phương	20/10/1947	Lang Khê		740.000	740.000
135	Trần Thị Thuần	01/01/1950	Lang Khê		740.000	740.000
136	Nhữ Thị Khuê	26/09/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
137	Nguyễn Đức Phòng	01/01/1946	Cẩm Lý		740.000	740.000
138	Đoàn Hữu Ba	04/08/1948	An Lương		740.000	740.000
139	Nguyễn Thị Mai	10/10/1945	Đông Nghĩa		740.000	740.000
140	Nguyễn Thị Mót	27/03/1949	Cẩm Lý		740.000	740.000
141	Nguyễn Thị Hàn	20/07/1948	Đông Nghĩa		740.000	740.000
142	Phạm Viết Cư	07/08/1948	An Lương		740.000	740.000
143	Nguyễn Thị Côi	02/03/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
144	Phạm Thị Phiếu	25/08/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
145	Vũ Huy Tâm	06/07/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
146	Phạm Thị Tần	26/12/1945	Đông Nghĩa		740.000	740.000
147	Nguyễn Trọng Điểm	17/10/1946	Lang Khê		740.000	740.000
148	Phạm Thị Loan	04/08/1946	An Lương		740.000	740.000
149	Đoàn Hữu Lưu	10/07/1949	An Lương		740.000	740.000
150	Đinh Thị Bé	01/02/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
151	Nguyễn Văn Đàm	20/03/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
152	Phạm Thị Thuyền	10/08/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
153	Nguyễn Thị Thao	08/10/1948	An Lương		740.000	740.000
154	Trương Thị Goòng	10/10/1947	Cẩm Lý		740.000	740.000
155	Nguyễn Thị Nga	01/01/1947	Cẩm Lý		740.000	740.000
156	Nguyễn Thị Thuận	20/10/1948	Cẩm Lý		740.000	740.000
157	Nguyễn Thị Sinh	07/08/1949	An Lương		740.000	740.000
158	Trương Thị Tập	01/01/1948	Lang Khê		740.000	740.000
159	Phạm Thị Hằng	01/01/1950	Lang Khê		740.000	740.000
160	Trương Văn Nghĩa	23/03/1948	Lang Khê		740.000	740.000
161	Mạc Thị Thư	08/08/1947	Bạch Đa		740.000	740.000
162	Vũ Thị Quế	07/05/1949	Bạch Đa		740.000	740.000
163	Bùi Xuân Bảo	02/02/1948	Lang Khê		740.000	740.000
164	Mạc Đức Thành	23/04/1950	An Lương		740.000	740.000
165	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1950	An Lương		740.000	740.000
166	Mạc Thị Suy	12/07/1950	An Lương		740.000	740.000
167	Phạm Văn Lợi	02/01/1947	An Lương		740.000	740.000
168	Phạm Thị Chén	16/03/1948	An Lương		740.000	740.000
169	Kiều Thị Lan	10/10/1946	An Lương		740.000	740.000
170	Vũ Thị Kén	07/10/1947	Bạch Đa		740.000	740.000
171	Phạm Văn Đạt	06/07/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
172	Phạm Thị Di	06/07/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
173	Mạc Đức Truyền	14/04/1949	An Lương		740.000	740.000
174	Nguyễn Thị Bích Thủy	03/02/1947	Lang Khê		740.000	740.000
175	Khúc Thị Hằng	01/01/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
176	Nguyễn Xuân Thụ	18/03/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
177	Đàm Thị Nhan	25/04/1947	Đào Xá		740.000	740.000
178	Phan Thị Chung	13/12/1948	An Đông		740.000	740.000
179	Nguyễn Thị Thắm	06/04/1949	An Đoài		740.000	740.000
180	Lê Thị Kỳ	09/10/1948	An Đoài		740.000	740.000
181	Nguyễn Thị Thứa	01/01/1950	An Đoài		740.000	740.000

182	Đặng Thị Xuân	12/10/1949	An Đoài		740.000	740.000
183	Bùi Thị Kim	25/01/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
184	Nguyễn Danh Long	19/07/1946	An Đoài		740.000	740.000
185	Nguyễn Thị Bình	01/01/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
186	Lê Đình Chính	14/09/1946	An Đông		740.000	740.000
187	Lê Thị Hiền	12/08/1948	An Đông		740.000	740.000
188	Đỗ Thế Khuyện	01/08/1944	An Đoài		740.000	740.000
189	Nguyễn Thị Chính	21/01/1949	An Đoài		740.000	740.000
190	Đặng Thị Dương	15/07/1950	An Đoài		740.000	740.000
191	Trần Thế Thịnh	01/12/1948	An Đoài		740.000	740.000
192	Lê Thị Họp	06/02/1949	An Đoài		740.000	740.000
193	Phạm Viết Thuận	01/01/1950	An Đoài		740.000	740.000
194	Phạm Văn Mạnh	01/01/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
195	Đặng Thị Hạ	01/01/1948	An Đoài		740.000	740.000
196	Nguyễn Trung Tài	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
197	Nguyễn Ngọc Toán	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
198	Nguyễn Ngọc Thu	10/03/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
199	Hoàng Văn Phước	20/08/1947	An Lương		740.000	740.000
200	Nguyễn Thị Mừng	10/08/1947	An Đoài		740.000	740.000
201	Nguyễn Danh Xê	30/10/1947	An Đoài		740.000	740.000
202	Nguyễn Văn Sơn	01/01/1946	An Điền Xuân		740.000	740.000
203	Phạm Thị Bé	01/01/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
204	Đồng Thị Toàn	05/02/1950	An Điền Xuân		740.000	740.000
205	Nguyễn Công Kiên	09/01/1947	An Đông		740.000	740.000
206	Nguyễn Đình Kỳ	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
207	Nguyễn Xuân Sình	14/03/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
208	Nguyễn Thị Tân	01/01/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
209	Đinh Thị Khảnh	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
210	Lê Thị Chiều	01/03/1947	An Lương		740.000	740.000
211	Trịnh Thị Bến	03/07/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
212	Lê Hoàng Giang	01/01/1950	An Đông		740.000	740.000
213	Lê Thị Đường	26/03/1950	An Lương		740.000	740.000
214	Lưu Đình Phòng	23/01/1950	An Đông		740.000	740.000
215	Vũ Thị Dậu	03/08/1945	An Đoài		740.000	740.000
216	Nguyễn Thị Năm	10/10/1948	An Lương		740.000	740.000
217	Phạm Thị Cài	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
218	Nguyễn Thị Nguyệt	01/10/1946	An Điền Xuân		740.000	740.000
219	Nguyễn Thị Đinh	01/01/1950	An Điền Xuân		740.000	740.000
220	Nguyễn Thị Tình	01/01/1946	An Điền Xuân		740.000	740.000
221	Trần Văn Tản	21/06/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
222	Lưu Thị Hoan	01/03/1949	An Đông		740.000	740.000
223	Mạc Thị Độ	20/10/1948	An Lương		740.000	740.000
224	Nguyễn Thị Cương	23/01/1946	An Đông		740.000	740.000
225	Nguyễn Thị Nguyệt	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
226	Nguyễn Thị Tấn	14/07/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
227	Nguyễn Văn Váo	01/01/1948	An Điền Giáp		740.000	740.000
228	Tạ Thị Thơm	15/07/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
229	Nguyễn Danh Vang	20/09/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
230	Nguyễn Thị Hiên	09/05/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
231	Nguyễn Thị Mùi	01/08/1948	An Lương		740.000	740.000
232	Nguyễn Thị Hằng	07/07/1948	An Đông		740.000	740.000
233	Nguyễn Thị Ngâm	10/01/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
234	Đinh Thị Hương	01/01/1947	An Điền Xuân		740.000	740.000
235	Nguyễn Thị Cầu	04/07/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
236	Nguyễn Thị Khanh	04/02/1949	An Điền Kim		740.000	740.000
237	Phạm Thiên Tân	24/07/1948	An Lương		740.000	740.000
238	Lê Xuân Goòng	04/10/1945	Đông Nghĩa		740.000	740.000
239	Đinh Thị Tính	25/06/1948	Đông Nghĩa		740.000	740.000
240	Nguyễn Thị Lý	20/12/1949	Hoàng Dương		740.000	740.000
241	Nguyễn Trọng Bạo	24/04/1947	An Đông		740.000	740.000
242	Nguyễn Thị Lễ	29/07/1949	An Đông		740.000	740.000
243	Vũ Thị Bẩy	01/04/1948	An Đông		740.000	740.000
244	Nguyễn Thị Đáng	01/01/1950	An Đông		740.000	740.000
245	Phạm Thị Tham	10/08/1946	An Đông		740.000	740.000
246	Lương Viết San	13/03/1948	An Đông		740.000	740.000

247	Đỗ Thị Quảng	01/01/1948	An Đông		740.000	740.000
248	Lê Thị Thảo	03/02/1950	An Đông		740.000	740.000
249	Trần Thị Loan	21/12/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
250	Nguyễn Thị Trọng	01/01/1950	An Đoài		740.000	740.000
251	Lương Thị Tươi	29/10/1947	An Đông		740.000	740.000
252	Nguyễn Thị Hệ	01/01/1946	An Đông		740.000	740.000
253	Nguyễn Thị Bốc	20/02/1946	An Đông		740.000	740.000
254	Đặng Thị Tự	25/05/1949	An Đông		740.000	740.000
255	Nguyễn Bá Hậu	01/01/1949	An Điền Giáp		740.000	740.000
256	Tống Thị Quy	16/10/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
257	Nguyễn Trung Thanh	01/01/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
258	Nguyễn Thị Soan	12/03/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
259	Đặng Thị Mong	08/06/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
260	Nguyễn Thị Nhâm	05/10/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
261	Nguyễn Đình Hược	19/06/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
262	Phạm Thị Đỗ	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
263	Lê Thị Vỏ	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
264	Nguyễn Hữu Cử	16/07/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
265	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
266	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1948	An Điền Xuân		740.000	740.000
267	Vũ Thị Nhiệm	08/05/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
268	Nguyễn Văn Uy	01/01/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
269	Nguyễn Thị Tấn	01/01/1946	Cổ Pháp		740.000	740.000
270	Trần Văn Tiếp	19/09/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
271	Trần Thị Nhài	08/04/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
272	Trần Thị Hiệp	12/09/1949	An Điền Kim		740.000	740.000
273	Nguyễn Như Đón	02/08/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
274	Nguyễn Văn Cốc	08/08/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
275	Nguyễn Thị Tín	12/07/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
276	Nguyễn Thị Hái	12/02/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
277	Nguyễn Thị Nhớ	06/08/1948	An Điền Xuân		740.000	740.000
278	Dương Thị Sáu	05/08/1948	Cổ Pháp		740.000	740.000
279	Phạm Thị Nhung	15/01/1949	An Điền Xuân		740.000	740.000
280	Nguyễn Thị Thảo	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
281	Nguyễn Đồng Định	12/09/1948	An Điền Kim		740.000	740.000
282	Nguyễn Đình Đột	02/03/1948	An Điền Giáp		740.000	740.000
283	Đặng Thị Choi	04/06/1950	Chi Đoan		740.000	740.000
284	Nguyễn Thị Ngôn	07/05/1950	Chi Đoan		740.000	740.000
285	Nguyễn Văn Hậu	03/09/1948	Phú Văn		740.000	740.000
286	Kiều Thị Sáng	06/05/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
287	Nguyễn Thị Chan	03/04/1949	Hoàng Dương		740.000	740.000
288	Nguyễn Thị Tuyến	12/01/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
289	Phạm Thị Loan	09/10/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
290	Vũ Văn Đạc	20/05/1947	Phú Văn		740.000	740.000
291	Nguyễn Thị Luyến	01/01/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
292	Nguyễn Thị Gái	23/07/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
293	Lê Duy Mã	01/01/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
294	Bùi Đình Bí	20/10/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
295	Nguyễn Thị Huyến	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
296	Trần Thị Liên	06/03/1950	Phú Văn		740.000	740.000
297	Nguyễn Huy Kim	03/02/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
298	Đặng Thị Chữ	12/02/1949	Đa Đinh		740.000	740.000
299	Lê Anh Mạnh	09/09/1947	An Lương		740.000	740.000
300	Bùi Thị Lan	02/02/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
301	Phạm Đình Ý	01/06/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
302	Đoàn Thị Sợi	01/01/1949	Đa Đinh		740.000	740.000
303	Lê Thị Thùy	27/07/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
304	Nguyễn Thị La	15/04/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
305	Nguyễn Hữu Tuấn	22/12/1945	Đa Đinh		740.000	740.000
306	Nguyễn Thị Nhung	06/08/1948	Đông Nghĩa		740.000	740.000
307	Phạm Thị Sóe	16/08/1949	Đa Đinh		740.000	740.000
308	Phạm Thị Lý	20/10/1949	Hoàng Dương		740.000	740.000
309	Vương Thị Thìn	10/12/1948	Đông Nghĩa		740.000	740.000
310	Lê Duy Thực	01/01/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
311	Đồng Duy Sang	20/12/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000

312	Nguyễn Thị Thái	16/03/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
313	Lương Thị Tuyến	02/05/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
314	Vương Văn Tế	01/07/1945	Lang Khê		740.000	740.000
315	Nguyễn Thị Cậy	06/08/1946	Đông Nghĩa		740.000	740.000
316	Nguyễn Thị Chi	01/01/1949	An Đông		740.000	740.000
317	Nguyễn Huy Năm	01/01/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
318	Đặng Thị Su	01/03/1950	Phú Văn		740.000	740.000
319	Đồng Duy Thành	05/01/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
320	Nguyễn Thị Hiên	23/01/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
321	Nguyễn Thị Xập	20/07/1949	Đa Đinh		740.000	740.000
322	Bùi Văn Thuần	01/06/1947	Đông Nghĩa		740.000	740.000
323	Mạc Thị Gái	01/01/1947	Phú Văn		740.000	740.000
324	Phạm Thị Chánh	01/03/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
325	Hoàng Kim Lửng	09/09/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
326	Nguyễn Thị Thảnh	01/01/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
327	Nguyễn Đình Cường	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
328	Nguyễn Thị Hường	01/01/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
329	Trần Đình Phú	12/05/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
330	Đặng Thị Đũi	19/09/1946	Đông Nghĩa		740.000	740.000
331	Hoàng Kim Phước	01/08/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
332	Nguyễn Thị Thiều	01/01/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
333	Mạc Thị Hữu	03/04/1947	An Lương		740.000	740.000
334	Nguyễn Thị Bắc	01/01/1948	An Điền Kim		740.000	740.000
335	Vũ Thị Ngại	06/04/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
336	Nguyễn Thị Hiền	20/11/1946	Bạch Đa		740.000	740.000
337	Đồng Thị Hợi	22/05/1948	Đông Nghĩa		740.000	740.000
338	Phạm Thị Mịch	01/01/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
339	Vương Văn Cứ	01/01/1950	Lang Khê		740.000	740.000
340	Nguyễn Thị Thứ	02/07/1945	Hoàng Dương		740.000	740.000
341	Đinh Thị Thềm	02/06/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
342	Nguyễn Thị Xò	11/01/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
343	Nguyễn Thị Nguyệt	15/04/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
344	Phạm Thị Quện	02/01/1948	Đa Đinh		740.000	740.000
345	Nguyễn Thị Nghi	10/10/1949	Hoàng Dương		740.000	740.000
346	Phạm Thị Chỉ	08/09/1949	Đông Nghĩa		740.000	740.000
347	Lê Thị Chanh	08/07/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
348	Đoàn Thị Chộn	10/08/1948	An Đông		740.000	740.000
349	Trần Văn Quyền	18/08/1945	Lang Khê		740.000	740.000
350	Nguyễn Thị Thành	06/05/1948	Hoàng Dương		740.000	740.000
351	Nguyễn Hữu Xuân	12/05/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
352	Vũ Thị Dân	05/08/1949	Bạch Đa		740.000	740.000
353	Nguyễn Thị Thuyết	01/02/1949	An Đông		740.000	740.000
354	Nguyễn Văn Hạnh	21/10/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
355	Lê Thị Thị	02/03/1947	Cổ Pháp		740.000	740.000
356	Nguyễn Thị Thích	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
357	Nguyễn Thị Linh	01/01/1948	Phú Văn		740.000	740.000
358	Nguyễn Thị Đậu	04/05/1949	Đông Nghĩa		740.000	740.000
359	Trần Văn Hùng	01/06/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
360	Đỗ Thế Chè	14/04/1949	An Đông		740.000	740.000
361	Nguyễn Thị Nhã	02/10/1947	Đa Đinh		740.000	740.000
362	Nguyễn Thị Hĩnh	12/12/1947	An Điền Giáp		740.000	740.000
363	Trần Thị Yêm	01/01/1949	Đào Xá		740.000	740.000
364	Trần Văn Chung	02/08/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
365	Nguyễn Thị Lương	08/03/1948	An Đông		740.000	740.000
366	Lê Văn Bằng	10/08/1947	An Đông		740.000	740.000
367	Lương Thị Chuyên	02/02/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
368	Nguyễn Đình Phóng	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
369	Vương Bá Trình	01/01/1948	Phú Văn		740.000	740.000
370	Phạm Thị Tâm	03/01/1949	Phú Văn		740.000	740.000
371	Phạm Thị Chuyên	01/01/1950	Lang Khê		740.000	740.000
372	Phan Thị Ân	05/08/1947	Bạch Đa		740.000	740.000
373	Nguyễn Xuân Phách	10/10/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
374	Bùi Thị Thanh Kiểm	15/07/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
375	Đàm Đình Tiền	02/03/1948	Đào Xá		740.000	740.000
376	Nguyễn Chí Gia	25/05/1950	Đào Xá		740.000	740.000

377	Nguyễn Thị Đào	15/02/1948	Đào Xá		740.000	740.000
378	Nguyễn Đình Thuật	04/01/1946	Đào Xá		740.000	740.000
379	Bùi Thị Phòng	16/10/1948	Đào Xá		740.000	740.000
380	Nguyễn Thị Thoại	07/05/1948	An Đông		740.000	740.000
381	Nguyễn Thị Xứng	20/01/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
382	Trần Thị Liền	01/01/1946	Chi Đoan		740.000	740.000
383	Đặng Đức Thang	04/12/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
384	Đặng Thị Sảnh	12/01/1946	Chi Đoan		740.000	740.000
385	Phạm Thị Chuyền	04/08/1946	Chi Đoan		740.000	740.000
386	Lý Thị Xạ	01/01/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
387	Nguyễn Văn Thang	18/07/1950	Chi Đoan		740.000	740.000
388	Nguyễn Thị Loan	08/01/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
389	Đồng Thị Lập	08/12/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
390	Đặng Thị Đón	04/06/1946	Chi Đoan		740.000	740.000
391	Đặng Đức Quyết	01/09/1946	Chi Đoan		740.000	740.000
392	Đặng Đức Diên	04/09/1949	Chi Đoan		740.000	740.000
393	Nguyễn Đồng Vặn	01/01/1950	An Điền Xuân		740.000	740.000
394	Phạm Xuân Đàn	01/01/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
395	Tống Thị Thuật	10/01/1946	Cổ Pháp		740.000	740.000
396	Nguyễn Thị Nguyệt	20/09/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
397	Phạm Thị Lưỡng	01/01/1947	An Điền Giáp		740.000	740.000
398	Lê Thị Sen	23/03/1948	An Lương		740.000	740.000
399	Nguyễn Thị Quấn	05/05/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
400	Nguyễn Hữu Mĩnh	08/05/1948	An Điền Kim		740.000	740.000
401	Trương Công Trường	01/03/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
402	Đặng Thị Tân	10/02/1950	Chi Đoan		740.000	740.000
403	Nguyễn Thị Khái	01/01/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
404	Lê Thị Tư	13/12/1946	An Đoài		740.000	740.000
405	Nguyễn Phúc Kỳ	01/01/1948	An Đông		740.000	740.000
406	Nguyễn Quang Hảo	15/11/1945	An Đoài		740.000	740.000
407	Lê Thị Chúc	12/02/1950	An Đông		740.000	740.000
408	Nguyễn Thị Hồi	12/02/1947	An Đông		740.000	740.000
409	Nguyễn Đức Luật	02/05/1946	An Đông		740.000	740.000
410	Phạm Thị Đồng	01/07/1950	An Đông		740.000	740.000
411	Nguyễn Thị Thành	01/01/1946	An Đông		740.000	740.000
412	Lương Thị Hoan	20/06/1949	An Đông		740.000	740.000
413	Nguyễn Thị Chín	10/02/1950	An Đoài		740.000	740.000
414	Nguyễn Thị Thảnh	6/10/1950	Lâm Xuyên		740.000	740.000
415	Nguyễn Quang Lợi	26/05/1947	An Đông		740.000	740.000
416	Nguyễn Thị Miên	12/02/1949	An Đông		740.000	740.000
417	Lưu Hữu Ba	01/01/1950	An Đoài		740.000	740.000
418	Nguyễn Thị Hòa	09/02/1950	An Đoài		740.000	740.000
419	Nguyễn Thị Nhỡ	20/12/1948	An Đoài		740.000	740.000
420	Lương Thị Vị	01/01/1950	An Đông		740.000	740.000
421	Phạm Thị Hương	01/01/1947	An Đông		740.000	740.000
422	Đặng Văn Văn	09/01/1950	Phú Văn		740.000	740.000
423	Phạm Ngọc Bàn	01/01/1950	Chi Đoan		740.000	740.000
424	Phạm Thị Liệt	03/05/1950	Lang Khê		740.000	740.000
425	Nguyễn Thị Nhớn	06/08/1949	An Đông		740.000	740.000
426	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1949	An Đông		740.000	740.000
427	Phạm Văn Hải	04/02/1950	Hoàng Dương		740.000	740.000
428	Nguyễn Thị Thành	01/04/1950	An Lương		740.000	740.000
429	Nguyễn Thị Phùng	06/05/1948	Hoàng Dương		740.000	740.000
430	Bùi Văn Tài	03/06/1950	Hoàng Dương		740.000	740.000
431	Bùi Thị Hóng	13/06/1950	An Lương		740.000	740.000
432	Lưu Đăng Hòa	25/11/1946	An Đông		740.000	740.000
433	Nguyễn Thị Vân	09/04/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
434	Hà Đình Mý	05/02/1949	Chi Đoan		740.000	740.000
435	Phạm Huy Oai	01/01/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
436	Lê Quang Liên	10/10/1947	An Đoài		740.000	740.000
437	Nguyễn Thị Nguyện	20/07/1948	An Điền Xuân		740.000	740.000
438	Kiều Xuân Tùng	21/11/1945	An Lương		740.000	740.000
439	Đặng Thị Thập	04/08/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
440	Nguyễn Thị Bàn	04/09/1949	Chi Đoan		740.000	740.000
441	Đặng Thị Quỳ	01/05/1947	Chi Đoan		740.000	740.000

442	Phạm Huy Thơi	18/07/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
443	Đặng Xuân Chất	05/05/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
444	Trịnh Thị Lưu	25/05/1949	Chi Đoan		740.000	740.000
445	Kiều Thị Thuận	17/03/1946	An Lương		740.000	740.000
446	Nguyễn Đình Khánh	05/05/1950	An Đông		740.000	740.000
447	Trần Thị Khoản	10/05/1947	Phú Văn		740.000	740.000
448	Đồng Văn Lương	04/06/1950	Phú Văn		740.000	740.000
449	Nguyễn Thị Huệ	02/04/1948	Phú Văn		740.000	740.000
450	Nguyễn Thị Tằm	21/01/1948	An Điền Kim		740.000	740.000
451	Vũ Đình Ngân	02/08/1946	Đa Đinh		740.000	740.000
452	Lê Mạnh Chiu	03/07/1950	Phú Văn		740.000	740.000
453	Nguyễn Thị Tiếp	20/08/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
454	Nguyễn Thị Lan	10/10/1946	Lâm Xá		740.000	740.000
455	Nguyễn Thị Nụ	08/07/1949	Lâm Xá		740.000	740.000
456	Nguyễn Văn Soạn	15/09/1946	Lâm Xá		740.000	740.000
457	Vương Thị Tải	01/06/1949	Lâm Xá		740.000	740.000
458	Ứng Đình Thọ	22/02/1949	Lâm Xá		740.000	740.000
459	Nguyễn Thị Luyên	01/01/1948	Lâm Xá		740.000	740.000
460	Nguyễn Thị Thảo	01/01/1949	Cổ Pháp		740.000	740.000
461	Phạm Thị Len	08/12/1946	An Lương		740.000	740.000
462	Phạm Văn Đắc	02/07/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
463	Đồng Thị Dần	20/08/1948	Bạch Đa		740.000	740.000
464	Phạm Văn Bình	11/06/1946	Phong Kim		740.000	740.000
465	Vũ Quang Đản	20/01/1948	Phong Kim		740.000	740.000
466	Trần Thị Hằng	12/03/1946	Phong Kim		740.000	740.000
467	Đặng Thị Hưng	10/04/1948	Phong Kim		740.000	740.000
468	Nguyễn Thị Tình	01/01/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
469	Nguyễn Thị Chính	01/01/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
470	Phạm Ngọc Đích	10/01/1946	An Lương		740.000	740.000
471	Nguyễn Khắc Hảo	02/06/1947	Phú Văn		740.000	740.000
472	Nguyễn Thị Chinh	10/10/1945	An Lương		740.000	740.000
473	Phạm Thị Hòe	20/01/1947	Phong Kim		740.000	740.000
474	Lê Thị Tường	12/11/1945	An Điền Kim		740.000	740.000
475	Nguyễn Thị Hà	20/07/1950	Phong Kim		740.000	740.000
476	Trần Thị Liễu	12/07/1948	Phong Kim		740.000	740.000
477	Lê Thị Thắng	11/02/1950	An Đoài		740.000	740.000
478	Nguyễn Văn Ngà	18/10/1949	Lâm Xá		740.000	740.000
479	Nguyễn Thị Bàng	11/06/1949	Phong Kim		740.000	740.000
480	Bùi Thị Thịnh	02/03/1950	An Đoài		740.000	740.000
481	Đoàn Đức Hiền	01/01/1950	An Đoài		740.000	740.000
482	Đỗ Thế Văn	01/01/1947	An Đoài		740.000	740.000
483	Bùi Thị Hòa	01/01/1948	An Đông		740.000	740.000
484	Nguyễn Thị Thập	20/06/1949	Lâm Xuyên		740.000	740.000
485	Nguyễn Đình Phiên	25/03/1948	An Điền Giáp		740.000	740.000
486	Vũ Thị Hợi	01/01/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
487	Nguyễn Chí Thăng	07/05/1948	Đào Xá		740.000	740.000
488	Nguyễn Đình Nghếch	31/12/1949	Đào Xá		740.000	740.000
489	Nguyễn Đình Sến	01/01/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
490	Phạm Thị Tâm	02/06/1948	Kim Bảng		740.000	740.000
491	Nguyễn Văn Viện	07/08/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
492	Nguyễn Văn Loan	04/10/1948	Lâm Xuyên		740.000	740.000
493	Mạc Thị Miều	11/05/1947	Lâm Xuyên		740.000	740.000
494	Nguyễn Văn Lương	05/02/1950	Lâm Xuyên		740.000	740.000
495	Nguyễn Thị Vân	01/05/1950	Lâm Xuyên		740.000	740.000
496	Nguyễn Văn Hanh	04/12/1949	Lâm Xuyên		740.000	740.000
497	Nguyễn Thị Huấn	14/06/1946	Lâm Xuyên		740.000	740.000
498	Phạm Thị Thu	12/08/1948	Lâm Xuyên		740.000	740.000
499	Nguyễn Thị Thân	28/06/1949	Lâm Xuyên		740.000	740.000
500	Mạc Thị Hiếu	01/05/1949	Lâm Xuyên		740.000	740.000
501	Nguyễn Thị Thuần	01/01/1948	Lâm Xuyên		740.000	740.000
502	Nguyễn Thị Tân	23/11/1947	Lâm Xuyên		740.000	740.000
503	Nguyễn Thị Chi	15/10/1949	An Đông		740.000	740.000
504	Nguyễn Danh Đức	30/04/1946	An Đông		740.000	740.000
505	Nguyễn Đình Lộc	10/02/1946	An Đông		740.000	740.000
506	Đặng Hữu Đích	23/06/1948	An Đông		740.000	740.000

507	Nguyễn Thị Quý	11/09/1948	An Đông		740.000	740.000
508	Lương Viết Tư	01/04/1950	An Đông		740.000	740.000
509	Nguyễn Quang Được	04/05/1950	An Đông		740.000	740.000
510	Phạm Đình Ái	01/03/1948	An Lương		740.000	740.000
511	Lê Văn Tư	28/11/1947	Chi Đoan		740.000	740.000
512	Đặng Thị Lịch	09/07/1945	An Đoài		740.000	740.000
513	Lê Thị Thả	12/11/1945	An Đoài		740.000	740.000
514	Đặng Thị Đào	15/10/1946	An Đoài		740.000	740.000
515	Trần Thị Thuyết	05/07/1948	An Lương		740.000	740.000
516	Trần Xuân Viển	08/05/1950	Lang Khê		740.000	740.000
517	Phạm Thị Len	09/04/1950	An Lương		740.000	740.000
518	Bùi Thị Tuyên	08/08/1950	An Đông		740.000	740.000
519	Nguyễn Thị Nhỡ	07/08/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
520	Nguyễn Đình Kẻo	08/08/1950	Đa Đinh		740.000	740.000
521	Trần Văn Lĩnh	09/08/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
522	Tống Thị Mỳ	10/08/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
523	Trần Thị Hồi	11/08/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
524	Nguyễn Thị Vụ	12/08/1950	An Lương		740.000	740.000
525	Lê Thị Vĩnh	25/08/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
526	Nguyễn Thị Lọc	10/08/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
527	Lê Thị Thêu	15/12/1948	Phong Kim		740.000	740.000
528	Lê Thị Vân	04/06/1950	Phong Kim		740.000	740.000
529	Nguyễn Thị Lâm	01/01/1946	An Điền Xuân		740.000	740.000
530	Nguyễn Thị Vân	01/01/1948	An Điền Xuân		740.000	740.000
531	Lưu Thị Sơn	06/08/1945	An Đoài		740.000	740.000
532	Nguyễn Thị Cành	20/08/1950	An Điền Kim		740.000	740.000
533	Đỗ Thị My	03/03/1950	An Đông		740.000	740.000
534	Nguyễn Văn Đề	07/07/1949	An Điền Xuân		740.000	740.000
535	Nguyễn Thị Thạt	30/8/1950	Kim Bảng		740.000	740.000
536	Nguyễn Thị Dẻo	31/08/1950	An Điền Xuân		740.000	740.000
537	Kiều Trắc Trường	07/09/1950	An Lương		740.000	740.000
538	Nguyễn Văn Thuận	09/01/1947	An Điền Kim		740.000	740.000
539	Trần Thị Bé	26/03/1948	Chi Đoan		740.000	740.000
540	Trần Thị Hồi	09/9/1950	An Đoài		740.000	740.000
541	Nguyễn Đức Chinh	09/09/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
542	Vũ Huy Tráng	17/09/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
543	Hoàng Thị Sử	04/09/1950	Phú Văn		740.000	740.000
544	Nguyễn Thị Nhã	14/09/1949	Phú Văn		740.000	740.000
545	Hoàng Văn Tụy	14/02/1946	Lâm Xuyên		740.000	740.000
546	Nguyễn Thị Bảnh	01/10/1945	Đa Đinh		740.000	740.000
547	Vũ Đình Dũng	15/10/1945	Đa Đinh		740.000	740.000
548	Vũ Thị Cảnh	01/10/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
549	Mạc Thị Biển	03/10/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
550	Phạm Thị Được	03/10/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
551	Hoàng Thị Khặc	10/05/1950	Kim Bảng		740.000	740.000
552	Lương Khắc Hiền	06/10/1950	An Đoài		740.000	740.000
553	Lương Viết Hải	05/10/1950	An Đoài		740.000	740.000
554	Vũ Cường Kích	02/10/1950	Bạch Đa		740.000	740.000
555	Nguyễn Thị Gái	14/10/1950	Cẩm Lý		740.000	740.000
556	Hoàng Văn Dung	10/15/1950	An Lương		740.000	740.000
557	Đàm Đình Với	15/10/1950	An Đông		740.000	740.000
558	Nguyễn Văn Tê	20/10/1950	Cổ Pháp		740.000	740.000
559	Lê Đình Phùng	24/10/1950	Đông Nghĩa		740.000	740.000
560	Nguyễn Thị Lượng	27/10/1950	An Đoài		740.000	740.000
561	Nguyễn Văn Thừa	01/10/1948	Lâm Xuyên		740.000	740.000
562	Bùi Xuân Thu	30/12/1949	Kim Bảng		740.000	740.000
563	Nguyễn Thị Xuân	15/11/1950	Phú Văn		740.000	740.000
564	Nguyễn Thị Hiến	12/11/1950	An Đông		740.000	740.000
565	Nguyễn Thị Nhu	11/11/1950	An Đoài		740.000	740.000
566	Nguyễn Thị Lừng	16/08/1950	An Điền Giáp		740.000	740.000
567	Phạm Thị Xuân	06/06/1950	Hoàng Dương		740.000	740.000
568	Trương Thị Tre	07/12/1938	An Đoài		740.000	740.000
569	Nguyễn Quang Tư	15/06/1945	An Đoài		740.000	740.000
570	Nguyễn Phúc Lựu	09/03/1945	An Đông		740.000	740.000
571	Đỗ Thị Thái	01/01/1945	An Đông		740.000	740.000

572	Trần Văn Thi	15/02/1945	An Đoài		740.000	740.000
573	Trịnh Thị Bình	01/01/1916	An Đoài		740.000	740.000
574	Nguyễn Thị Luyến	15/10/1942	An Đoài		740.000	740.000
575	Đặng Hữu Sáu	16/10/1925	An Đoài		740.000	740.000
576	Lương Thị Ngũ	02/01/1926	An Đoài		740.000	740.000
577	Lê Thị Dín	01/01/1928	An Đoài		740.000	740.000
578	Nguyễn Thị Chi	15/04/1929	An Đoài		740.000	740.000
579	Lê Thị Còm	01/01/1931	An Đoài		740.000	740.000
580	Nguyễn Thị Mùi	15/10/1931	An Đoài		740.000	740.000
581	Lương Viết Nhạnh	02/01/1932	An Đoài		740.000	740.000
582	Nguyễn Thị Nghịch	13/07/1933	An Đoài		740.000	740.000
583	Lê Thị Hẹ	10/11/1932	An Đoài		740.000	740.000
584	Trần Thị Hoa	01/05/1933	An Đoài		740.000	740.000
585	Nguyễn Thị Sáu	15/01/1934	An Đoài		740.000	740.000
586	Nguyễn Thị Gái	12/07/1934	An Đoài		740.000	740.000
587	Lưu Thị Ngân	14/11/1935	An Đoài		740.000	740.000
588	Nguyễn Thị Cải	17/09/1939	An Đoài		740.000	740.000
589	Lê Thị Thái	07/02/1935	An Đoài		740.000	740.000
590	Nguyễn Thị Huệ	12/07/1935	An Đoài		740.000	740.000
591	Lưu Thị Pha	15/10/1935	An Đoài		740.000	740.000
592	Nguyễn Thị Đài	15/10/1935	An Đoài		740.000	740.000
593	Nguyễn Thị Điểm	25/01/1936	An Đoài		740.000	740.000
594	Nguyễn Thị Lò	10/07/1936	An Đoài		740.000	740.000
595	Vũ Thị Hợp	07/03/1939	An Đoài		740.000	740.000
596	Đỗ Thế Sâm	25/05/1939	An Đoài		740.000	740.000
597	Lê Thị Hoạt	03/03/1940	An Đoài		740.000	740.000
598	Nguyễn Thị Giá	07/05/1940	An Đoài		740.000	740.000
599	Nguyễn Quang Hương	10/10/1940	An Đoài		740.000	740.000
600	Nguyễn Danh Lân	28/12/1940	An Đoài		740.000	740.000
601	Nguyễn Thị Lễ	01/01/1941	An Đoài		740.000	740.000
602	Nguyễn Thị Nghĩa	12/9/1941	An Đoài		740.000	740.000
603	Nguyễn Thị Nhân	05/08/1942	An Đoài		740.000	740.000
604	Trần Thị Tiệp	01/01/1943	Đa Đinh		740.000	740.000
605	Nguyễn Thị Đào	01/01/1943	Đa Đinh		740.000	740.000
606	Nguyễn Thị Minh	01/01/1943	An Đoài		740.000	740.000
607	Nguyễn Thị Phông	26/02/1943	An Đoài		740.000	740.000
608	Lương Thị Mai	15/6/1943	An Đông		740.000	740.000
609	Phạm Thị Cân	01/4/1943	An Đông		740.000	740.000
610	Đỗ Thị Phượng	01/01/1943	An Đoài		740.000	740.000
611	Nguyễn Thị Thoan	01/04/1943	An Đông		740.000	740.000
612	Trịnh Đình Nhụt	02/07/1944	An Đông		740.000	740.000
613	Nguyễn Thị Tựa	01/05/1943	An Đoài		740.000	740.000
614	Nguyễn Thị Sau	01/01/1944	Đa Đinh		740.000	740.000
615	Hoàng Thị Lếnh	01/01/1944	Đa Đinh		740.000	740.000
616	Lê Bá Trình	15/02/1944	Đa Đinh		740.000	740.000
617	Đỗ Thị Độ	02/01/1941	An Đông		740.000	740.000
618	Trần Thị Mong	01/01/1941	Đa Đinh		740.000	740.000
619	Phạm Thị Cận	02/04/1941	An Đông		740.000	740.000
620	Nguyễn Danh Tư	02/12/1940	An Đông		740.000	740.000
621	Lương Thị Dậu	22/10/1940	An Đông		740.000	740.000
622	Nguyễn Thị Ong	29/10/1940	An Đông		740.000	740.000
623	Nguyễn Đình Hoàn	13/05/1940	An Đông		740.000	740.000
624	Lê Thị Lý	02/03/1940	An Đông		740.000	740.000
625	Nguyễn Thị Gái	01/01/1940	An Đông		740.000	740.000
626	Nguyễn Thị Xạ	01/10/1937	An Đông		740.000	740.000
627	Lưu Quang Đà	17/07/1937	An Đông		740.000	740.000
628	Vũ Thị Hợp	07/03/1939	An Đông		740.000	740.000
629	Nguyễn Thị Đạt	07/02/1930	An Đông		740.000	740.000
630	Nguyễn Thị Chữ	30/10/1928	An Đông		740.000	740.000
631	Nguyễn Thị Vông	29/10/1929	An Đông		740.000	740.000
632	Nguyễn Đình Khánh	12/02/1930	An Đông		740.000	740.000
633	Nguyễn Thị Thả	02/10/1930	An Đông		740.000	740.000
634	Phạm Viết Hoan	01/01/1932	An Đông		740.000	740.000
635	Nguyễn Đình Sứu	05/02/1932	An Đông		740.000	740.000
636	Nguyễn Thị Chưới	30/07/1933	An Đông		740.000	740.000

637	Bùi Thị Uông	15/10/1933	An Đông		740.000	740.000
638	Nguyễn Thị Bến	01/01/1934	An Đông		740.000	740.000
639	Lưu Thị Tý	01/01/1936	An Đông		740.000	740.000
640	Lương Thị Nhĩ	05/09/1934	An Đông		740.000	740.000
641	Nguyễn Thị Váng	01/01/1934	An Đông		740.000	740.000
642	Lương Thị Hiền	03/05/1934	An Đông		740.000	740.000
643	Lương Thị Sai	13/10/1934	An Đông		740.000	740.000
644	Trần Thị Hồi	01/01/1936	An Đông		740.000	740.000
645	Lê Thị Hẹ	29/10/1938	An Đông		740.000	740.000
646	Nguyễn Thị Hoàn	01/01/1937	An Đông		740.000	740.000
647	Lưu Thị Đều	01/01/1936	An Đông		740.000	740.000
648	Nguyễn Thị Cúc	21/04/1936	An Đông		740.000	740.000
649	Nguyễn Thị Quánh	29/07/1937	An Đông		740.000	740.000
650	Lương Thị Vo	01/01/1937	An Đông		740.000	740.000
651	Nguyễn Thị Thảo	25/01/1938	An Đông		740.000	740.000
652	Lương Thị Loan	12/9/1937	An Đông		740.000	740.000
653	Lương Thị Cõn	10/1938	An Đông		740.000	740.000
654	Lương Viết Phòng	01/01/1939	An Đông		740.000	740.000
655	Nguyễn Đình Thành	10/02/1939	An Đông		740.000	740.000
656	Nguyễn Thị Phổng	15/02/1939	An Đông		740.000	740.000
657	Nguyễn Thị Tài	12/02/1939	An Đông		740.000	740.000
658	Nguyễn Thị Khung	25/04/1939	An Đông		740.000	740.000
659	Lương Thị Thịnh	04/07/1939	An Đông		740.000	740.000
660	Nguyễn Thị Loan	01/07/1940	An Đông		740.000	740.000
661	Nguyễn Thị Chiều	01/01/1942	An Đông		740.000	740.000
662	Nguyễn Thị Đôi	01/01/1942	An Đông		740.000	740.000
663	Bùi Xuân Điều	01/02/1942	An Đông		740.000	740.000
664	Nguyễn Thị Thân	01/01/1942	An Đông		740.000	740.000
665	Lê Văn Thú	02/4/1942	An Đông		740.000	740.000
666	Lương Thị Chuyển	02/04/1942	An Đông		740.000	740.000
667	Nguyễn Thị Ba	30/12/1943	An Đông		740.000	740.000
668	Nguyễn Thị An	29/10/1943	An Đông		740.000	740.000
669	Hoàng Thị Nụ	04/10/1940	Đa Đinh		740.000	740.000
670	Nguyễn Huy Tự	10/10/1940	Đa Đinh		740.000	740.000
671	Nguyễn Hữu Kha	11/02/1940	Đa Đinh		740.000	740.000
672	Nguyễn Thị Miên	17/07/1940	Đa Đinh		740.000	740.000
673	Lê Thị Thắp	29/07/1940	Đa Đinh		740.000	740.000
674	Nguyễn Thị Đãi	11/02/1939	Đa Đinh		740.000	740.000
675	Lê Thị Xuyên	20/11/1930	Đa Đinh		740.000	740.000
676	Trần Thị Lượn	01/06/1932	Đa Đinh		740.000	740.000
677	Nguyễn Huy Đạm	05/10/1934	Đa Đinh		740.000	740.000
678	Lê Thị Dui	02/07/1933	Đa Đinh		740.000	740.000
679	Đinh Thị Nhỡ	01/01/1934	Đa Đinh		740.000	740.000
680	Nguyễn Thị Mây	01/01/1934	Đa Đinh		740.000	740.000
681	Nguyễn Thị Phương	01/01/1932	Đa Đinh		740.000	740.000
682	Bùi Thị Chi	06/04/1937	Đa Đinh		740.000	740.000
683	Nguyễn Thị Tóc	18/03/1938	Đa Đinh		740.000	740.000
684	Hoàng Thị Mừng	27/05/1938	Đa Đinh		740.000	740.000
685	Nguyễn Thị Đèo	01/07/1938	Đa Đinh		740.000	740.000
686	Lê Thị Ùng	10/10/1938	Đa Đinh		740.000	740.000
687	Phạm Đình Đức	01/01/1939	Đa Đinh		740.000	740.000
688	Lê Minh Chung	01/01/1939	Đa Đinh		740.000	740.000
689	Đàm Thị Thu	19/10/1925	Đa Đinh		740.000	740.000
690	Nguyễn Thị Chao	26/09/1942	Đa Đinh		740.000	740.000
691	Vũ Đình Nhượng	15/6/1942	Đa Đinh		740.000	740.000
692	Trần Thị Vỡi	02/12/1942	Đào Xá		740.000	740.000
693	Vũ Đức Tuệ	01/11/1942	Đa Đinh		740.000	740.000
694	Đặng Thị Chi	29/11/1939	Đào Xá		740.000	740.000
695	Đàm Thị Lộng	01/08/1937	Đào Xá		740.000	740.000
696	Nguyễn Thị Thơm	01/03/1931	Đào Xá		740.000	740.000
697	Trần Thị Bịch	01/06/1933	Đào Xá		740.000	740.000
698	Nguyễn Thị Ngọ	01/07/1933	Đào Xá		740.000	740.000
699	Trương Phúc Cứu	01/09/1933	Đào Xá		740.000	740.000
700	Tân Thị Bến	01/01/1934	Đào Xá		740.000	740.000
701	Tân Thị Với	01/01/1934	Đào Xá		740.000	740.000

702	Nguyễn Đình Dần	19/01/1937	Đào Xá		740.000	740.000
703	Đàm Thị Mái	01/03/1937	Đào Xá		740.000	740.000
704	Nguyễn Thị Khánh	29/12/1941	An Đoài		740.000	740.000
705	Đàm Đình Đối	03/03/1941	Đào Xá		740.000	740.000
706	Nguyễn Thị Mẫn	04/08/1935	An Lương		740.000	740.000
707	Nguyễn Văn Bính	20/06/1945	Lâm Xá		740.000	740.000
708	Phạm Thị Tân	06/5/1945	Hoàng Dương		740.000	740.000
709	Phạm Tiền	21/01/1945	Lang Khê		740.000	740.000
710	Lê Thị Cành	01/02/1945	Phú Văn		740.000	740.000
711	Nguyễn Thị Sáu	01/02/1945	Bạch Đa		740.000	740.000
712	Lê Thị An	01/01/1945	Đông Nghĩa		740.000	740.000
713	Lê Thị Hồng	01/01/1945	An Lương		740.000	740.000
714	Mạc Thị Liêm	01/01/1945	An Lương		740.000	740.000
715	Vũ Văn La	01/01/1930	Kim Bảng		740.000	740.000
716	Trần Thị Bẩy	01/01/1932	Kim Bảng		740.000	740.000
717	Lê Thị Nhuần	01/09/1938	Kim Bảng		740.000	740.000
718	Phạm Thị Đào	01/01/1939	Kim Bảng		740.000	740.000
719	Nguyễn Thị Chung	01/01/1940	Kim Bảng		740.000	740.000
720	Trần Hồng Vấn	10/08/1940	Kim Bảng		740.000	740.000
721	Phạm Thị Tước	01/01/1942	Kim Bảng		740.000	740.000
722	Trần Thị Lại	01/01/1943	Kim Bảng		740.000	740.000
723	Nguyễn Thị Man	03/08/1943	Kim Bảng		740.000	740.000
724	Nguyễn Xuân Lê	20/03/1944	Kim Bảng		740.000	740.000
725	Nguyễn Văn Môn	01/04/1937	Kim Khê		740.000	740.000
726	Nguyễn Thị Đáng	01/05/1944	Lâm Xá		740.000	740.000
727	Nguyễn Văn Uyên	01/08/1941	Lâm Xá		740.000	740.000
728	Nguyễn Thị Hân	13/08/1940	Lâm Xá		740.000	740.000
729	Nguyễn Thị Ngoan	01/01/1937	Lâm Xá		740.000	740.000
730	Trần Thị Vòng	01/02/1930	Lâm Xá		740.000	740.000
731	Nguyễn Văn Ty	01/01/1938	Lâm Xá		740.000	740.000
732	Nguyễn Văn Miễn	06/08/1938	Lâm Xá		740.000	740.000
733	Ứng Thị Dẫn	20/03/1940	Lâm Xá		740.000	740.000
734	Nguyễn Thị Giảm	01/01/1942	Lâm Xá		740.000	740.000
735	Hoàng Thị Tâm	05/02/1943	Lâm Xá		740.000	740.000
736	Hoàng Thị Bậc	01/01/1942	Lâm Xuyên		740.000	740.000
737	Đào Thị Lâm	17/6/1941	Lâm Xuyên		740.000	740.000
738	Nguyễn Thị Tý	01/01/1930	Lâm Xuyên		740.000	740.000
739	Hoàng Thị Bé	13/04/1935	Lâm Xuyên		740.000	740.000
740	Lê Thị Chữ	01/01/1938	Lâm Xuyên		740.000	740.000
741	Lưu Thị Ga	15/03/1938	Lâm Xuyên		740.000	740.000
742	Hoàng Văn Khanh	01/03/1938	Lâm Xuyên		740.000	740.000
743	Nguyễn Thị Ý	15/07/1938	Lâm Xuyên		740.000	740.000
744	Vũ Thị Cầu	20/05/1939	Lâm Xuyên		740.000	740.000
745	Hoàng Thị Bẩy	13/06/1942	Lâm Xuyên		740.000	740.000
746	Hoàng Thị Tác	26/05/1942	Lâm Xuyên		740.000	740.000
747	Nguyễn Thị Quyên	01/01/1944	Lâm Xuyên		740.000	740.000
748	Nguyễn Danh Tuyên	01/01/1944	Lâm Xuyên		740.000	740.000
749	Vũ Thị Gái	13/01/1944	Phú Văn		740.000	740.000
750	Đặng Thị Hòe	03/07/1944	Phú Văn		740.000	740.000
751	Đặng Đình Thịnh	01/01/1934	Lý Văn		740.000	740.000
752	Nguyễn Văn Úc	1935	Lý Văn		740.000	740.000
753	Phạm Thị Phiến	01/01/1938	Lý Văn		740.000	740.000
754	Nguyễn Thị Tạ	16/02/1939	Lý Văn		740.000	740.000
755	Vũ Thị Xoan	20/03/1939	Lý Văn		740.000	740.000
756	Đặng Xuân Hồng	12/04/1944	Phong Kim		740.000	740.000
757	Phạm Thị Phượng	01/01/1941	Phong Kim		740.000	740.000
758	Lê Thị Ban	10/02/1940	Phong Kim		740.000	740.000
759	Vũ Văn Tiêu	10/06/1940	Phong Kim		740.000	740.000
760	Tân Thị Đông	15/03/1941	Phong Kim		740.000	740.000
761	Phạm Thị Liên	06/02/1942	Phong Kim		740.000	740.000
762	Phạm Thị Loan	01/08/1943	Phong Kim		740.000	740.000
763	Vương Văn Trường	18/08/1938	Phong Trạch		740.000	740.000
764	Phạm Thị La	15/03/1938	Phong Trạch		740.000	740.000
765	Lương Thị Liên	13/12/1945	An Đoài		740.000	740.000
766	Lương Văn Hiếu	25/05/1936	Phong Trạch		740.000	740.000

767	Vũ Thị Đang	01/06/1943	Phú Văn		740.000	740.000
768	Lê Thị Nguyệt	01/02/1940	Phú Văn		740.000	740.000
769	Đặng Thị Gái	08/03/1940	Phú Văn		740.000	740.000
770	Nguyễn Thị Keng	15/01/1939	Phú Xuyên		740.000	740.000
771	Nguyễn Huy Đáng	20/02/1928	Phú Xuyên		740.000	740.000
772	Vũ Thị Hội	02/03/1937	Phú Xuyên		740.000	740.000
773	Lê Văn Đạo	15/06/1937	Phú Xuyên		740.000	740.000
774	Hoàng Đình Bảo	03/01/1938	Phú Xuyên		740.000	740.000
775	Hoàng Thị Tình	12/08/1933	An Lương		740.000	740.000
776	Mạc Thị Hiệp	21/07/1933	An Lương		740.000	740.000
777	Kiều Thị Nõn	08/06/1934	An Lương		740.000	740.000
778	Nguyễn Thị Bình	15/05/1936	An Lương		740.000	740.000
779	Kiều Thị Nụ	03/04/1934	An Lương		740.000	740.000
780	Kiều Thị Chũm	10/10/1933	An Lương		740.000	740.000
781	Phạm Thị Nhiên	15/01/1935	An Lương		740.000	740.000
782	Mạc Thị Xòe	01/01/1933	An Lương		740.000	740.000
783	Kiều Thị Thái	16/04/1933	An Lương		740.000	740.000
784	Nguyễn Đắc Lân	25/05/1931	An Lương		740.000	740.000
785	Phạm Thị Xâm	10/02/1937	An Lương		740.000	740.000
786	Mạc Thị Nga	16/06/1938	An Lương		740.000	740.000
787	Hoàng Văn Lợi	15/02/1939	An Lương		740.000	740.000
788	Nguyễn Thị Đậm	25/04/1939	An Lương		740.000	740.000
789	Đoàn Hữu Năm	05/02/1940	An Lương		740.000	740.000
790	Trần Quang Gắng	03/01/1940	An Lương		740.000	740.000
791	Trần Thị Lưa	21/03/1940	An Lương		740.000	740.000
792	Lê Quang Tạo	26/07/1940	An Lương		740.000	740.000
793	Nguyễn Thị Phúc	12/09/1942	An Lương		740.000	740.000
794	Nguyễn Thị Khải	26/12/1944	An Lương		740.000	740.000
795	Nguyễn Thị Tân	06/07/1942	Bạch Đa		740.000	740.000
796	Vũ Thị Chinh	16/06/1934	Bạch Đa		740.000	740.000
797	Trần Thị Bính	10/05/1933	Bạch Đa		740.000	740.000
798	Trần Thị Sy	03/04/1935	Bạch Đa		740.000	740.000
799	Vũ Xuân San	26/03/1935	Bạch Đa		740.000	740.000
800	Đặng Thị Gác	03/08/1937	Bạch Đa		740.000	740.000
801	Nguyễn Thị Tý	01/05/1932	Bạch Đa		740.000	740.000
802	Nguyễn Thị Tít	13/05/1941	Bạch Đa		740.000	740.000
803	Trần Thị Khiêm	01/05/1941	Bạch Đa		740.000	740.000
804	Vũ Huy Hiệu	05/02/1935	Bạch Đa		740.000	740.000
805	Vũ Thị Then	15/04/1936	Bạch Đa		740.000	740.000
806	Đỗ Thị Khoai	06/07/1930	Bạch Đa		740.000	740.000
807	Nguyễn Thị Oánh	05/02/1930	Bạch Đa		740.000	740.000
808	Hoàng Thị Thanh	01/07/1930	Bạch Đa		740.000	740.000
809	Phạm Thị Thắm	01/01/1939	Bạch Đa		740.000	740.000
810	Nguyễn Văn Nhân	15/02/1943	Cẩm Lý		740.000	740.000
811	Nguyễn Văn Xuân	04/02/1936	Cẩm Lý		740.000	740.000
812	Nguyễn Văn Dự	10/02/1933	Cẩm Lý		740.000	740.000
813	Nguyễn Văn Tuệ	1935	Cẩm Lý		740.000	740.000
814	Nguyễn Thị Điều	10/02/1923	Cẩm Lý		740.000	740.000
815	Phạm Thị Nụ	17/05/1940	Cẩm Lý		740.000	740.000
816	Nguyễn Thị Phượng	01/01/1939	Cẩm Lý		740.000	740.000
817	Nguyễn Thị Mận	22/07/1939	Cẩm Lý		740.000	740.000
818	Vũ Thị Lụa	01/01/1940	Cẩm Lý		740.000	740.000
819	Lê Văn Độ	06/08/1940	Cẩm Lý		740.000	740.000
820	Hoàng Văn Lượng	07/05/1935	Đông Nghĩa		740.000	740.000
821	Lê Thị Thạo	09/10/1934	Đông Nghĩa		740.000	740.000
822	Lê Thị Thuận	12/01/1930	Đông Nghĩa		740.000	740.000
823	Đồng Thị Toàn	20/03/1943	Đông Nghĩa		740.000	740.000
824	Lê Thị Vời	01/02/1940	Đông Nghĩa		740.000	740.000
825	Hoàng Văn Phóng	21/01/1939	Đông Nghĩa		740.000	740.000
826	Lê Thanh Đính	12/10/1940	Đông Nghĩa		740.000	740.000
827	Nguyễn Thị Thoa	10/05/1942	Đông Nghĩa		740.000	740.000
828	Nguyễn Thị Dậu	21/02/1944	Đông Nghĩa		740.000	740.000
829	Nguyễn Thị Bến	01/01/1944	Đông Nghĩa		740.000	740.000
830	Trương Thị Viết	01/01/1944	Lang Khê		740.000	740.000
831	Lê Văn Lịch	21/01/1943	Hoàng Dương		740.000	740.000

832	Trần Thị Nhâm	15/07/1940	Hoàng Dương		740.000	740.000
833	Nguyễn Thị Giả	04/05/1940	Hoàng Dương		740.000	740.000
834	Lê Thị Gái	18/12/1942	Hoàng Dương		740.000	740.000
835	Phạm Xuân Phúc	13/08/1943	Hoàng Dương		740.000	740.000
836	Nguyễn Thị Bé	01/01/1944	Lang Khê		740.000	740.000
837	Bùi Thị Diệp	01/01/1944	An Lương		740.000	740.000
838	Vương Thị Vinh	01/01/1940	Lang Khê		740.000	740.000
839	Trương Thị Mai	01/01/1932	Lang Khê		740.000	740.000
840	Vũ Thị Nụ	01/01/1931	Lang Khê		740.000	740.000
841	Trương Văn Hồng	01/01/1931	Lang Khê		740.000	740.000
842	Vương Văn Cát	01/01/1925	Lang Khê		740.000	740.000
843	Phạm Văn Su	01/01/1923	Lang Khê		740.000	740.000
844	Nguyễn Thị Tình	01/01/1938	Lang Khê		740.000	740.000
845	Trần Thị Bé	01/01/1939	Lang Khê		740.000	740.000
846	Phạm Thị Bẩy	10/02/1942	Lang Khê		740.000	740.000
847	Vương Quang Vy	12/05/1941	Lang Khê		740.000	740.000
848	Kiều Thị Vượng	10/05/1941	Lang Khê		740.000	740.000
849	Nguyễn Thị Quý	16/02/1936	Nghĩa Dương		740.000	740.000
850	Phạm Thị Táy	13/04/1932	Nghĩa Dương		740.000	740.000
851	Phạm Văn Vạn	12/06/1935	Nghĩa Khê		740.000	740.000
852	Đinh Văn Hòe	18/01/1930	Nghĩa Khê		740.000	740.000
853	Lê Thị Xuân	15/07/1929	Nghĩa Khê		740.000	740.000
854	Đinh Văn Đại	05/11/1936	Nghĩa Khê		740.000	740.000
855	Nguyễn Thị Nuôi	01/01/1937	Nghĩa Khê		740.000	740.000
856	Nguyễn Thị Trọng	08/04/1939	Nghĩa Lư		740.000	740.000
857	Phạm Hồng Cung	10/08/1938	Nghĩa Lư		740.000	740.000
858	Nguyễn Thị Mận	20/08/1932	Nghĩa Lư		740.000	740.000
859	Nguyễn Thị Liền	01/01/1931	Nghĩa Lư		740.000	740.000
860	Nguyễn Thị Thúy	02/5/1937	An Điền Giáp		740.000	740.000
861	Nguyễn Thị Trưởng	10/05/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
862	Trương Thị Đọ	01/01/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
863	Phạm Thị Suối	01/01/1945	An Điền Xuân		740.000	740.000
864	Hoàng Thị Ưa	01/01/1945	An Điền Xuân		740.000	740.000
865	Hoàng Thị Đào	06/01/1945	An Điền Xuân		740.000	740.000
866	Nguyễn Thị Ấn	01/01/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
867	Nguyễn Thị Mùi	01/01/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
868	Nguyễn Thị Độ	01/01/1945	An Điền Kim		740.000	740.000
869	Phạm Thị Xoan	10/01/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
870	Trần Thị Hỏi	10/01/1945	Cổ Pháp		740.000	740.000
871	Nguyễn Kim Hậu	07/02/1945	An Điền Kim		740.000	740.000
872	Nguyễn Thị Thục	03/02/1945	An Điền Xuân		740.000	740.000
873	Nguyễn Thị Két	01/01/1922	An Điền Kim		740.000	740.000
874	Nguyễn Thị Cạo	01/01/1929	An Điền Xuân		740.000	740.000
875	Hoàng Thị Nghía	14/03/1930	An Điền Kim		740.000	740.000
876	Nguyễn Thị Tý	01/01/1922	An Điền Kim		740.000	740.000
877	Nguyễn Đức Mỹ	01/01/1931	An Điền Xuân		740.000	740.000
878	Nguyễn Thị Sạp	12/06/1931	An Điền Giáp		740.000	740.000
879	Nguyễn Thị Út	01/01/1941	An Điền Xuân		740.000	740.000
880	Phạm Thị Chinh	01/01/1932	An Điền Kim		740.000	740.000
881	Nguyễn Đình Tiến	23/12/1941	An Điền Xuân		740.000	740.000
882	Nguyễn Thị Gái	25/10/1934	An Điền Xuân		740.000	740.000
883	Nguyễn Thị Ngà	25/10/1934	An Điền Kim		740.000	740.000
884	Nguyễn Văn Nhận	01/01/1932	An Điền Kim		740.000	740.000
885	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1932	An Điền Xuân		740.000	740.000
886	Nguyễn Thị Xim	01/01/1939	An Điền Kim		740.000	740.000
887	Nguyễn Thị Bún	01/01/1937	An Điền Kim		740.000	740.000
888	Phạm Thị Nghia	01/01/1935	An Điền Giáp		740.000	740.000
889	Nguyễn Thị Thêu	01/01/1933	An Điền Kim		740.000	740.000
890	Hoàng Đức Quất	30/12/1941	An Điền Xuân		740.000	740.000
891	Nguyễn Thị Ngoan	19/01/1933	An Điền Xuân		740.000	740.000
892	Trần Thị Ân	01/01/1933	An Điền Kim		740.000	740.000
893	Nguyễn Thị Két	02/01/1938	An Điền Giáp		740.000	740.000
894	Nguyễn Trung Sang	01/01/1934	An Điền Giáp		740.000	740.000
895	Phạm Thị Xúy	05/06/1943	An Điền Xuân		740.000	740.000
896	Trọng Thị Chung	01/01/1935	An Điền Xuân		740.000	740.000

897	Nguyễn Thị Sinh	01/01/1938	An Điền Xuân		740.000	740.000
898	Nguyễn Đình Tuyên	10/01/1939	An Điền Kim		740.000	740.000
899	Nguyễn Thị Tiêu	01/01/1938	An Điền Kim		740.000	740.000
900	Nguyễn Thị Xuân	02/01/1939	An Điền Giáp		740.000	740.000
901	Nguyễn Thị Nhật	01/01/1937	An Điền Xuân		740.000	740.000
902	Nguyễn Văn Đúc	01/10/1937	An Điền Kim		740.000	740.000
903	Nguyễn Thị Toan	01/01/1942	An Điền Xuân		740.000	740.000
904	Nguyễn Thị Bún	20/08/1936	An Điền Giáp		740.000	740.000
905	Phạm Thị Hải	12/03/1937	An Điền Giáp		740.000	740.000
906	Nguyễn Thị Khách	01/01/1939	An Điền Xuân		740.000	740.000
907	Lê Thị Vót	01/01/1939	An Điền Kim		740.000	740.000
908	Nguyễn Thị Lục	01/01/1939	An Điền Xuân		740.000	740.000
909	Nguyễn Thị Thu	10/02/1939	An Điền Xuân		740.000	740.000
910	Nguyễn Thị Quyên	01/02/1939	An Điền Giáp		740.000	740.000
911	Nguyễn Thị Tứ	01/01/1932	An Điền Giáp		740.000	740.000
912	Nguyễn Văn Trắng	20/09/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
913	Nguyễn Thị Tích	20/06/1943	An Điền Xuân		740.000	740.000
914	Nguyễn Thị Chỉ	15/07/1942	An Điền Xuân		740.000	740.000
915	Nguyễn Văn Định	01/12/1944	An Điền Xuân		740.000	740.000
916	Lê Văn Mỳ	01/01/1943	Chi Đoan		740.000	740.000
917	Trần Thị Mừng	01/01/1943	Chi Đoan		740.000	740.000
918	Nguyễn Thị Sóng	01/01/1943	An Điền Giáp		740.000	740.000
919	Nguyễn Thị Đoan	01/01/1943	Chi Đoan		740.000	740.000
920	Tống Thế Đăng	05/10/1943	Cổ Pháp		740.000	740.000
921	Trần Văn Thám	01/01/1943	Cổ Pháp		740.000	740.000
922	Nguyễn Văn Được	01/01/1943	An Điền Xuân		740.000	740.000
923	Nguyễn Thị Tâm	01/01/1943	An Điền Kim		740.000	740.000
924	Nguyễn Đình Quyền	03/03/1944	An Điền Kim		740.000	740.000
925	Nguyễn Thị Tràng	20/05/1942	Cổ Pháp		740.000	740.000
926	Phạm Thị Cún	30/12/1943	An Điền Xuân		740.000	740.000
927	Nguyễn Thị Lơ	01/01/1944	Cổ Pháp		740.000	740.000
928	Đặng Thị Tạo	01/01/1944	Cổ Pháp		740.000	740.000
929	Nguyễn Thị Lan	01/01/1944	An Điền Xuân		740.000	740.000
930	Nguyễn Thị Chẻo	01/01/1944	An Điền Kim		740.000	740.000
931	Nguyễn Thị Bấm	01/01/1944	Cổ Pháp		740.000	740.000
932	Nguyễn Thị Bé	01/01/1934	An Điền Xuân		740.000	740.000
933	Đặng Thị Dấm	07/08/1942	An Điền Giáp		740.000	740.000
934	Nguyễn Thị Tuyết	05/03/1940	An Điền Giáp		740.000	740.000
935	Nguyễn Thị Quạt	12/06/1940	An Điền Giáp		740.000	740.000
936	Nguyễn Thị Tuyên	01/01/1941	An Điền Giáp		740.000	740.000
937	Nguyễn Thị Tành	01/01/1941	An Điền Xuân		740.000	740.000
938	Nguyễn Thị Giỏi	12/04/1941	An Điền Giáp		740.000	740.000
939	Lương Thị Xuân	01/01/1941	Chi Đoan		740.000	740.000
940	Tống Thị Hưởng	01/01/1941	Cổ Pháp		740.000	740.000
941	Nguyễn Thị Đỗ	01/01/1941	Cổ Pháp		740.000	740.000
942	Nguyễn Thị Máy	17/09/1940	An Điền Kim		740.000	740.000
943	Nguyễn Thị Tính	02/04/1940	An Điền Kim		740.000	740.000
944	Nguyễn Thị Biên	05/08/1940	An Điền Giáp		740.000	740.000
945	Nguyễn Thị Tối	02/02/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
946	Nguyễn Thị Lấm	01/01/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
947	Đặng Thị Lụa	01/01/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
948	Nguyễn Trung Hảo	01/01/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
949	Nguyễn Văn Kề	19/08/1939	An Điền Xuân		740.000	740.000
950	Nguyễn Thị Bín	01/08/1940	An Điền Xuân		740.000	740.000
951	Lê Thị Nhường	08/02/1942	An Điền Xuân		740.000	740.000
952	Phạm Thị Tuyến	10/06/1941	An Điền Giáp		740.000	740.000
953	Nguyễn Đình Nhỡ	10/06/1942	An Điền Kim		740.000	740.000
954	Đặng Hữu Long	11/04/1944	Chi Đoan		740.000	740.000
955	Nguyễn Đức Nhiễn	10/06/1944	Chi Đoan		740.000	740.000
956	Nguyễn Thị Mùa	04/04/1944	Chi Đoan		740.000	740.000
957	Lý Thị Giỏi	04/06/1941	Chi Đoan		740.000	740.000
958	Nguyễn Thị Phiều	14/06/1941	Chi Đoan		740.000	740.000
959	Nguyễn Thị Bảng	04/08/1940	Chi Đoan		740.000	740.000
960	Lê Quang Áp	15/01/1940	Chi Đoan		740.000	740.000
961	Bùi Thị Kỹ	01/01/1940	Chi Đoan		740.000	740.000

962	Nguyễn Chí Thuật	01/01/1939	Chi Đoan		740.000	740.000
963	Lê Thị Trọng	08/09/1938	Chi Đoan		740.000	740.000
964	Nguyễn Thị Sén	01/01/1927	Chi Đoan		740.000	740.000
965	Phạm Thị Giàng	30/09/1929	Chi Đoan		740.000	740.000
966	Nguyễn Thị Như	01/01/1930	Chi Đoan		740.000	740.000
967	Nguyễn Thị Vĩnh	01/01/1930	Chi Đoan		740.000	740.000
968	Hoàng Thị Điều	01/01/1927	Chi Đoan		740.000	740.000
969	Bùi Thị Điều	01/01/1933	Chi Đoan		740.000	740.000
970	Đặng Thị Miều	07/08/1936	Chi Đoan		740.000	740.000
971	Đặng Thị Đắp	01/01/1932	Chi Đoan		740.000	740.000
972	Đặng Thị Tình	03/04/1932	Chi Đoan		740.000	740.000
973	Đặng Thị Mận	01/01/1932	Chi Đoan		740.000	740.000
974	Lê Thị Tẹo	03/02/1933	Chi Đoan		740.000	740.000
975	Nguyễn Thị Đót	01/01/1934	Chi Đoan		740.000	740.000
976	Phạm Thị Bạt	05/03/1935	Chi Đoan		740.000	740.000
977	Đặng Đức Chiểu	03/05/1935	Chi Đoan		740.000	740.000
978	Đặng Thị Thoàn	01/01/1936	Chi Đoan		740.000	740.000
979	Nguyễn Thị Gioóng	02/07/1936	An Điền Giáp		740.000	740.000
980	Đặng Đức Liễu	02/07/1936	Chi Đoan		740.000	740.000
981	Phạm Huy Đương	01/01/1937	Chi Đoan		740.000	740.000
982	Trần Đình Thiết	06/01/1937	Chi Đoan		740.000	740.000
983	Nguyễn Thị Bé	01/01/1937	Chi Đoan		740.000	740.000
984	Bùi Thị Tuyết	25/02/1939	Chi Đoan		740.000	740.000
985	Đặng Hữu Lệ	15/08/1941	Chi Đoan		740.000	740.000
986	Lương Thị Xuyến	04/02/1942	Chi Đoan		740.000	740.000
987	Đinh Văn Đức	10/02/1942	Chi Đoan		740.000	740.000
988	Trần Thị Cơ	08/02/1942	Cổ Pháp		740.000	740.000
989	Nguyễn Thị Lấng	08/08/1941	Cổ Pháp		740.000	740.000
990	Tạ Quang Thê	11/11/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
991	Trương Thị Cân	20/06/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
992	Tạ Phương Tuyết	04/07/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
993	Trần Văn Vượt	01/01/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
994	Phan Thị Gái	01/01/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
995	Lương Thị Ngọ	01/01/1940	Cổ Pháp		740.000	740.000
996	Trần Thị Lấm	01/01/1939	Cổ Pháp		740.000	740.000
997	Nguyễn Thị Nhạn	01/01/1939	Cổ Pháp		740.000	740.000
998	Tạ Thị Nhiên	05/02/1938	Cổ Pháp		740.000	740.000
999	Tống Thị Tài	01/01/1925	Cổ Pháp		740.000	740.000
1000	Vũ Thị Liên	06/10/1927	Cổ Pháp		740.000	740.000
1001	Nguyễn Thị Thìn	01/01/1928	Cổ Pháp		740.000	740.000
1002	Trần Thị Nhỡ	30/06/1930	Cổ Pháp		740.000	740.000
1003	Phạm Thị Viên	08/03/1931	Cổ Pháp		740.000	740.000
1004	Trần Thị Yến	01/01/1931	Cổ Pháp		740.000	740.000
1005	Nguyễn Thị Nền	01/01/1931	Cổ Pháp		740.000	740.000
1006	Tạ Thị Dựa	20/07/1936	Cổ Pháp		740.000	740.000
1007	Nguyễn Thị Cúc	01/01/1932	Cổ Pháp		740.000	740.000
1008	Đặng Văn Chẳng	01/01/1932	Cổ Pháp		740.000	740.000
1009	Nguyễn Thị Đáng	01/01/1934	Cổ Pháp		740.000	740.000
1010	Trương Văn Lánh	01/01/1933	Cổ Pháp		740.000	740.000
1011	Nguyễn Thị Lắm	20/07/1934	Cổ Pháp		740.000	740.000
1012	Vũ Thị Mực	01/01/1937	Cổ Pháp		740.000	740.000
1013	Phạm Thị Song	01/01/1934	Cổ Pháp		740.000	740.000
1014	Nguyễn Thị Đúc	01/01/1935	Cổ Pháp		740.000	740.000
1015	Trần Thị Hảo	01/01/1938	Cổ Pháp		740.000	740.000
1016	Nguyễn Thị Nhung	09/02/1936	Cổ Pháp		740.000	740.000
1017	Trần Văn Triệu	01/01/1938	Cổ Pháp		740.000	740.000
1018	Trần Thị Len	03/12/1941	Cổ Pháp		740.000	740.000
1019	Trần Thị Tạo	01/01/1937	Cổ Pháp		740.000	740.000
1020	Nguyễn Thị Đoan	05/08/1938	Cổ Pháp		740.000	740.000
1021	Nguyễn Thị Nghiên	01/01/1942	Cổ Pháp		740.000	740.000
1022	Nguyễn Văn Tùy	01/01/1942	Cổ Pháp		740.000	740.000
1023	Tống Thị Nghi	01/01/1939	Cổ Pháp		740.000	740.000
1024	Trần Quang Tân	05/08/1944	Cổ Pháp		740.000	740.000
1025	Nguyễn Thị Nhớn	15/06/1929	An Điền Giáp		740.000	740.000
1026	Nguyễn Đình Ngoạn	18/01/1932	An Điền Kim		740.000	740.000

1027	Nguyễn Thị Chai	01/01/1930	An Điền Kim		740.000	740.000
1028	Nguyễn Thị Áng	01/01/1930	An Điền Xuân		740.000	740.000
1029	Đỗ Thị Chũn	01/01/1927	An Điền Xuân		740.000	740.000
1030	Nguyễn Thị Nhỡ	06/07/1936	An Điền Giáp		740.000	740.000
1031	Hoàng Đức Thời	13/06/1930	An Điền Xuân		740.000	740.000
1032	Nguyễn Thị Nga	01/01/1930	An Điền Xuân		740.000	740.000
1033	Nguyễn Thị Bạch	08/04/1931	An Điền Kim		740.000	740.000
1034	Nguyễn Đức Viên	05/07/1931	An Điền Kim		740.000	740.000
	Tổng cộng			**7.400.000**	**765.160.000**	**772.560.000**

(Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

NGƯỜI LẬP

Đỗ Thị Hiệp

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

Trịnh Thị Ngọc